

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Nông Công năm 2023-2024.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Y tế: Số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019; số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 về việc

ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Quyết định số 3476/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương tỉnh Thanh Hóa năm 2023-2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Nông Cống tại Tờ trình số 555/TTr-TTYT ngày 20/7/2023; kèm theo Báo cáo số 90/BC-TTĐ ngày 04/7/2023 của Tổ thẩm định, Sở Y tế về việc thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Nông Cống năm 2023-2024 và hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Nông Cống năm 2023 - 2024, gồm các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Nông Cống năm 2023 - 2024.

Phân chia gói thầu: toàn bộ danh mục các mặt hàng là 01 gói thầu, gồm 27 mặt hàng (*Chi tiết tại phụ lục danh mục kèm theo*).

2. Giá gói thầu: 6.495.112.130 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, một trăm mười hai nghìn, một trăm ba mươi đồng*).

3. Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ của Trung tâm Y tế huyện Nông Cống.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi (trong nước, qua mạng, xét theo từng phần).

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Từ Quý III, IV/2023

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: không quá 12 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trung tâm Y tế huyện Nông Cống tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

gói thầu nêu trên phục vụ hoạt động chuyên môn đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Nông Cống; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VXsln.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Đ. Thanh Tùng', is written over the printed name.

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục:
Danh mục Gói thầu mua vắc xin dịch vụ tại Trung tâm Y tế huyện Nông Công năm 2023 - 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	Giải độc tổ uốn ván tinh chế	4	≥ 40 IU/0,5ml	Thuốc tiêm/tiêm	Ống	190	14.784	2.808.960
2	Globulin kháng độc tổ uốn ván	4	1500 IU/1ml	Thuốc tiêm/tiêm	Ống	515	29.043	14.957.145
3	Kháng thể kháng vi rút dại	4	1.000 IU/5ml	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	150	387.555	58.133.250
4	Vi rút Rota sống, giảm độc lực, typ G1P8	4	≥ 2 triệu PFU/2ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống/uống	Lọ	1.475	339.780	501.175.500
5	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg	5	20mcg/1 ml	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	1.045	66.780	69.785.100
6	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg	5	10mcg/0,5ml	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	500	45.780	22.890.000
7	Kháng nguyên tinh chế từ vi rút dại chủng L.Pasteur 2061/VERO	5	$\geq 2,5$ IU / 0,5ml	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	1.200	164.800	197.760.000
8	Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414	1	$\geq 10^{6.0}$ CCID ₅₀ /1,5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống /uống.	Ống/tuýp	75	700.719	52.553.925
9	Biến độc tố bạch hầu ; Biến độc tố uốn ván ; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà (PT) và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) và Pertactin (PRN); Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBV) Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney); Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) ; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) ; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b cộng hợp với giải độc tố uốn ván	1	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Thuốc tiêm đông khô/tiêm	Lọ	371	864.000	320.544.000
10	Vi rút sởi; Vi rút quai bị; Vi rút rubella	1	Mỗi 0,5ml chứa: Virus sởi ≥ 1000 CCID ₅₀ ; virus quai bị ≥ 12500 CCID ₅₀ ; virus rubella ≥ 1000 CCID ₅₀	Thuốc tiêm đông khô/tiêm	Lọ	700	164.620	115.234.000
11	Vi rút thủy đậu sống, giảm độc lực	1	≥ 1350 PFU/0,5ml	Thuốc tiêm đông khô/tiêm	Lọ	368	714.440	262.913.920

TT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
12	Polysaccharide của các týp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và của các týp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,5	1	1mcg 3mcg	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm/tiêm	Bơm tiêm	1.065	829.900	883.843.500
13	Protein L1 HPV6; protein L1 HPV11; protein L1 HPV16: và protein L1 HPV18	1	0.5ml	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	271	1.509.600	409.101.600
14	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA)	1	$\geq 10^{3,3}$ PFU	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	252	764.000	192.528.000
15	Kháng nguyên bề mặt viêm gan B tinh khiết HBsAg	1	20 mcg/1 ml	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	262	115.810	30.342.220
16	* Giải độc tố bạch hầu: * Giải độc tố uốn ván * Kháng nguyên Bordetella pertussis: gồm: Giải độc tố ho gà (PT) và Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) * Virus bại liệt (bất hoạt): – Týp 1 (Mahoney): – Týp 2 (MEF-1): – Týp 3 (Saukett): * Kháng nguyên bề mặt viêm gan B * Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): cộng hợp với protein uốn ván	1	0.5ml	Thuốc tiêm/tiêm	Bơm tiêm	1.190	865.200	1.029.588.000
17	Virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M)	1	0.5ml	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	500	241.595	120.797.500
18	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	4	20mcg/1ml	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	200	65.940	13.188.000
19	Protein bao gồm kháng nguyên Vi rút viêm gan A tinh khiết	4	< 100mcg/0,5ml	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	1.160	95.400	110.664.000
20	Vi rút sởi, vi rút quai bị, vi rút rubella sống, giảm độc lực	5	≥ 1.000 CCID ₅₀ ; ≥ 5.000 CCID ₅₀ ; ≥ 1.000 CCID ₅₀	Thuốc tiêm đông khô/tiêm	Lọ	710	137.550	97.660.500
21	Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực	2	≥ 1.400 PFU	Thuốc tiêm đông khô/tiêm	Lọ	320	501.000	160.320.000
22	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C	5	Mỗi 0,5ml chứa Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B 50mcg; Polysaccharide vỏ vi khuẩn não mô cầu nhóm C 50mcg	Thuốc tiêm/tiêm	Lọ	790	151.704	119.846.160
23	A/Brisbane/02/2018(H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190); A/South	1	0.5ml	Thuốc tiêm/tiêm	Bơm tiêm	660	270.000	178.200.000

[illegible]